



DANH SÁCH HỌC SINH K6 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	009	1	Trần Chí Nhất	An	6/1	
2	018	1	Đào Thạch	Anh	6/1	
3	052	2	Lu Hà Quốc	Bảo	6/1	
4	053	2	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	6/1	
5	060	2	Cao Nguyễn Minh	Châu	6/1	
6	066	3	Nguyễn Thái Bảo	Châu	6/1	
7	069	3	Bùi Quỳnh	Chi	6/1	
8	092	3	Nguyễn Vũ Phúc	Gia	6/1	
9	125	4	Lâm Chấn	Huy	6/1	
10	127	4	Quan Chí	Huy	6/1	
11	160	5	Võ Châu Yên	Khang	6/1	
12	179	6	Cao Lê Thiên	Khôi	6/1	
13	191	6	Nguyễn Lê Trúc	Lam	6/1	
14	196	7	Phan Nguyễn Bảo	Lân	6/1	
15	211	7	Lê Bảo	Long	6/1	
16	217	7	Nguyễn Hà Đức	Long	6/1	
17	281	9	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	6/1	
18	287	9	Quách Nguyễn Như	Ngọc	6/1	
19	295	10	Lưu Vĩnh	Nguyễn	6/1	
20	300	10	Nguyễn Hữu	Nhân	6/1	
21	319	10	Nguyễn Trần Quỳnh	Như	6/1	
22	321	10	Phan Thiên	Như	6/1	
23	328	11	Nguyễn	Phú	6/1	
24	378	12	Trương Nguyễn Minh	Tâm	6/1	
25	379	12	Huỳnh Hồ Nhật	Tấn	6/1	
26	389	13	Nguyễn Duy Minh	Thanh	6/1	
27	399	13	Lê Hoàng	Thiên	6/1	
28	402	13	Nguyễn Thanh	Thiên	6/1	
29	406	13	Trương Minh	Thiện	6/1	
30	418	13	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	6/1	
31	422	14	Thái Song	Thư	6/1	
32	424	14	Hoàng Anh	Thy	6/1	
33	444	14	Tạ Anh	Trí	6/1	
34	445	14	Trần Minh	Trí	6/1	
35	450	14	Lê Thanh	Trúc	6/1	
36	462	15	Lương Tuệ	Vân	6/1	
37	469	15	Nguyễn Khắc	Việt	6/1	
38	474	15	Mai Trần Hoàng	Vũ	6/1	



STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	004	1	Hồ Ngọc Minh	An	6/2	
2	006	1	Lê Minh	An	6/2	
3	011	1	Vũ Khánh	An	6/2	
4	021	1	Đỗ Đăng Minh	Anh	6/2	
5	023	1	Hồ Ngọc Kỳ	Anh	6/2	
6	026	1	Lê Ngọc Phương	Anh	6/2	
7	038	2	Phan Nhật	Anh	6/2	
8	058	2	Nguyễn Ngọc Hải	Bằng	6/2	
9	068	3	Trần Bảo	Châu	6/2	
10	076	3	Nguyễn Tuấn	Diệu	6/2	
11	080	3	Lê	Duy	6/2	
12	088	3	Hà Duy	Đông	6/2	
13	090	3	Nguyễn Hoàng	Đức	6/2	
14	097	4	Thái Thị Kim	Hà	6/2	
15	118	4	Bùi Minh	Hoàng	6/2	
16	132	5	Lương Quốc	Hưng	6/2	
17	149	5	Đỗ Phúc Minh	Khang	6/2	
18	171	6	Đinh Hoàng Trọng	Khiêm	6/2	
19	172	6	Doãn Trần Anh	Khoa	6/2	
20	184	6	Phạm Đăng	Khôi	6/2	
21	187	6	Nguyễn Minh	Khuê	6/2	
22	194	7	Trần Bảo	Lâm	6/2	
23	218	7	Nguyễn Minh	Long	6/2	
24	224	7	Trần Kim	Long	6/2	
25	226	8	Trần Nguyễn Bảo	Long	6/2	
26	230	8	Đặng Anh Gia	Mẫn	6/2	
27	231	8	Trần Tuệ	Mẫn	6/2	
28	234	8	Ngô Nhật	Minh	6/2	
29	244	8	Dương Ngọc Hà	My	6/2	
30	250	8	Trần Bảo	Nam	6/2	
31	262	9	Tăng Kim	Ngân	6/2	
32	273	9	Lâm Bảo	Ngọc	6/2	
33	286	9	Phan Huỳnh Bảo	Ngọc	6/2	
34	309	10	Nguyễn Thái Ngọc	Nhi	6/2	
35	311	10	Vũ Phạm Yến	Nhi	6/2	
36	325	11	Phạm Ngô Tiến	Phát	6/2	
37	331	11	Lê Hoàng Thiên	Phúc	6/2	
38	333	11	Nguyễn Hoàng	Phúc	6/2	
39	354	11	Trương Mai	Phương	6/2	
40	372	12	Trương Hoàng	Quân	6/2	
41	373	12	Võ Nhật	Quân	6/2	
42	390	13	Hoàng Tiến	Thành	6/2	
43	408	13	Lê Trương Phúc	Thịnh	6/2	
44	416	13	Trần Ngọc Thanh	Thùy	6/2	
45	436	14	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	6/2	
46	457	15	Trịnh Bảo	Uyên	6/2	



DANH SÁCH HỌC SINH K6 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	002	1	Cao Nguyễn Khánh	An	6/3	
2	003	1	Giang Gia	An	6/3	
3	008	1	Phạm Nguyễn Khánh	An	6/3	
4	015	1	Dương Lý Trâm	Anh	6/3	
5	035	2	Nguyễn Sỹ Lâm	Anh	6/3	
6	042	2	Trần Tường	Anh	6/3	
7	054	2	Trần Hoàng Thiên	Bảo	6/3	
8	056	2	Trương Gia	Bảo	6/3	
9	063	2	Huỳnh Khánh Bảo	Châu	6/3	
10	074	3	Dương Nguyễn Ngọc	Diệp	6/3	
11	089	3	Trần Nguyễn Nhật	Đông	6/3	
12	112	4	Thái Gia	Hân	6/3	
13	113	4	Trần Phạm Gia	Hân	6/3	
14	130	5	Cao Phúc	Hưng	6/3	
15	152	5	Lê Minh	Khang	6/3	
16	155	5	Phạm Nguyễn	Khang	6/3	
17	162	6	Hoàng Nữ Kim	Khánh	6/3	
18	203	7	Trần Gia	Linh	6/3	
19	221	7	Phạm Văn	Long	6/3	
20	225	8	Trần Minh	Long	6/3	
21	255	8	Ngô Khánh	Ngân	6/3	
22	259	9	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	6/3	
23	265	9	Lê Bảo	Nghi	6/3	
24	288	9	Trần Kim Ánh	Ngọc	6/3	
25	291	10	Trương Mai Bảo	Ngọc	6/3	
26	305	10	Lê Ngọc Yến	Nhi	6/3	
27	334	11	Nguyễn Hoàng	Phúc	6/3	
28	341	11	Phùng Gia	Phúc	6/3	
29	360	12	Lê Nguyễn Minh	Quân	6/3	
30	361	12	Mai Ngọc Minh	Quân	6/3	
31	365	12	Nguyễn Minh	Quân	6/3	
32	367	12	Nguyễn Quốc	Quân	6/3	
33	419	13	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	6/3	
34	428	14	Vũ Huyền Khánh	Thy	6/3	
35	380	12	Lưu Dũng	Tiến	6/3	
36	429	14	Nguyễn Thị Thanh	Trà	6/3	
37	435	14	Lai Hoàng Bảo	Trân	6/3	
38	438	14	Trần Tuyết	Trân	6/3	
39	439	14	Trịnh Hải	Trân	6/3	
40	443	14	Phạm Vũ	Trí	6/3	
41	447	14	Vũ Minh	Trí	6/3	
42	449	14	Bùi Vũ Thanh	Trúc	6/3	
43	461	15	Huỳnh Ngọc	Vân	6/3	
44	471	15	Đoàn Thế	Vinh	6/3	
45	473	15	Nguyễn Tuấn	Vinh	6/3	
46	476	15	Nguyễn Hoàng	Vũ	6/3	



DANH SÁCH HỌC SINH K6 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	010	1	Trần Ngọc Khánh	An	6/4	
2	019	1	Đào Trâm	Anh	6/4	
3	031	1	Nguyễn Huỳnh Song	Anh	6/4	
4	067	3	Phạm Ngọc Bảo	Châu	6/4	
5	075	3	Đào Ngọc	Diệp	6/4	
6	077	3	Lê Ngọc Thanh	Du	6/4	
7	086	3	Đỗ Minh	Đăng	6/4	
8	091	3	Trần Ngọc Minh	Đức	6/4	
9	100	4	Bùi Thủy	Hạnh	6/4	
10	104	4	Đoàn Thị Như	Hào	6/4	
11	108	4	Lương Gia	Hân	6/4	
12	115	4	Nguyễn Xuân	Hoa	6/4	
13	129	5	Bùi Chấn	Hưng	6/4	
14	148	5	Đào Gia	Khang	6/4	
15	150	5	Huỳnh Khắc Nguyên	Khang	6/4	
16	165	6	Nguyễn Cát Ngân	Khánh	6/4	
17	177	6	Nguyễn Tấn	Khoa	6/4	
18	185	6	Dương Ngọc Minh	Khuê	6/4	
19	142	5	Trương Lý Thiên	Kim	6/4	
20	199	7	Lương Giai	Linh	6/4	
21	215	7	Nguyễn Bảo	Long	6/4	
22	223	7	Phùng Bảo	Long	6/4	
23	228	8	Nguyễn Phú	Lộc	6/4	
24	229	8	Trần Hồ Thanh	Mai	6/4	
25	239	8	Nguyễn Quang	Minh	6/4	
26	248	8	Nguyễn Bảo	Nam	6/4	
27	260	9	Nguyễn Quỳnh Trúc	Ngân	6/4	
28	268	9	Võ Phúc	Nghi	6/4	
29	289	9	Trần Lệ	Ngọc	6/4	
30	290	10	Trần Nguyễn Minh	Ngọc	6/4	
31	304	10	Đỗ Vân	Nhi	6/4	
32	323	11	Lương Tấn	Phát	6/4	
33	335	11	Nguyễn Hoàng Gia	Phúc	6/4	
34	343	11	Bùi Thiên	Phước	6/4	
35	352	11	Tân Hải	Phương	6/4	
36	353	11	Trần Uyên	Phương	6/4	
37	358	12	Khổng Minh	Quân	6/4	
38	363	12	Nguyễn Hiếu	Quân	6/4	
39	375	12	Đặng Nguyễn Phương	Quỳnh	6/4	
40	377	12	Nguyễn Phúc Kỳ	Tâm	6/4	
41	395	13	Nguyễn Minh	Thắng	6/4	
42	411	13	Văn Phước	Thịnh	6/4	
43	414	13	Hà Thu	Thủy	6/4	
44	434	14	Đỗ Ngọc Bảo	trân	6/4	
45	484	15	Trần Minh	Vy	6/4	
46	487	15	Thang Hải	Yến	6/4	



DANH SÁCH HỌC SINH K6 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	001	1	Bùi Hoàng	An	6/5	
2	007	1	Nguyễn Vũ Song	An	6/5	
3	022	1	Đỗ Hoàng Mai	Anh	6/5	
4	027	1	Lương Hoàng	Anh	6/5	
5	037	2	Nguyễn Văn Mai	Anh	6/5	
6	043	2	Trịnh Ngọc Minh	Anh	6/5	
7	057	2	Nguyễn Hồ Khánh	Băng	6/5	
8	064	2	Lê Ngọc Đan	Châu	6/5	
9	078	3	Lê Nguyễn Trí	Dũng	6/5	
10	079	3	Nguyễn Minh	Dũng	6/5	
11	083	3	Trần Ngọc	Đan	6/5	
12	096	3	Nguyễn Thị Bảo	Hà	6/5	
13	106	4	Bùi Gia	Hân	6/5	
14	107	4	Dương Khả	Hân	6/5	
15	119	4	Đào Minh	Hoàng	6/5	
16	146	5	Bùi Hoàng	Khang	6/5	
17	154	5	Phạm Bảo	Khang	6/5	
18	156	5	Phan Trần Tuấn	Khang	6/5	
19	158	5	Trần Nguyễn Bách	Khang	6/5	
20	175	6	Lê Anh	Khoa	6/5	
21	182	6	Nguyễn Minh	Khôi	6/5	
22	198	7	Hoàng Vũ Nhật	Linh	6/5	
23	209	7	Lai Lương Gia	Long	6/5	
24	219	7	Nguyễn Tuấn	Long	6/5	
25	254	8	Võ Huỳnh	Nga	6/5	
26	256	8	Nguyễn Hoài Bảo	Ngân	6/5	
27	264	9	Diệp Bảo	Nghi	6/5	
28	269	9	Vũ Lê Uyển	Nghi	6/5	
29	282	9	Nguyễn Khánh	Ngọc	6/5	
30	298	10	Phạm Huỳnh Khôi	Nguyễn	6/5	
31	320	10	Phạm Quỳnh	Như	6/5	
32	330	11	Huỳnh Phạm Vinh	Phúc	6/5	
33	336	11	Nguyễn Minh	Phúc	6/5	
34	345	11	Nguyễn Thiên	Phước	6/5	
35	355	11	Vũ Ngọc Mai	Phương	6/5	
36	356	12	Cao Nguyễn Huy	Quang	6/5	
37	364	12	Nguyễn Hoàng Minh	Quân	6/5	
38	366	12	Nguyễn Ngọc	Quân	6/5	
39	410	13	Trần Hoàn	Thịnh	6/5	
40	440	14	Võ Ngọc Bảo	Trân	6/5	
41	454	14	Phạm Thành	Trung	6/5	
42	385	12	Đặng Anh	Tuấn	6/5	
43	459	15	Điêu Ngọc Khánh	Vân	6/5	
44	467	15	Chu Mẫn	Vi	6/5	
45	478	15	Bùi Ngọc Thảo	Vy	6/5	
46	480	15	Hồ Đặng Phương	Vy	6/5	



DANH SÁCH HỌC SINH K6 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	014	1	Cao Bùi Mai	Anh	6/6	
2	036	2	Nguyễn Trần Trâm	Anh	6/6	
3	093	3	Lê Phương	Giang	6/6	
4	102	4	Nguyễn Tuấn	Hào	6/6	
5	109	4	Nguy Hồng	Hân	6/6	
6	111	4	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	6/6	
7	114	4	Triệu Gia	Hân	6/6	
8	128	4	Vũ Minh	Huy	6/6	
9	144	5	Nguyễn Bình Nam	Khải	6/6	
10	161	6	Nguyễn Vũ Đan	Khanh	6/6	
11	181	6	Nguyễn Hoàng	Khôi	6/6	
12	135	5	Nguyễn Trung	Kiên	6/6	
13	137	5	Vương Tuấn	Kiệt	6/6	
14	197	7	Trần Phước	Lập	6/6	
15	204	7	Trần Hoàng Phương	Linh	6/6	
16	205	7	Đoàn Nguyễn Minh	Long	6/6	
17	216	7	Nguyễn Bảo	Long	6/6	
18	220	7	Nguyễn Thái	Long	6/6	
19	263	9	Trần Ngọc Thiên	Ngân	6/6	
20	280	9	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	6/6	
21	284	9	Nguyễn Thanh Bảo	Ngọc	6/6	
22	293	10	Huỳnh Khánh	Nguyên	6/6	
23	301	10	Đặng Minh	Nhật	6/6	
24	313	10	Đặng Ngọc Quỳnh	Như	6/6	
25	314	10	Đoàn Ngọc	Như	6/6	
26	318	10	Nguyễn Hoàng	Như	6/6	
27	332	11	Lê Minh	Phúc	6/6	
28	344	11	Lê Thiện	Phước	6/6	
29	346	11	Bùi Nam	Phương	6/6	
30	362	12	Ngô Minh	Quân	6/6	
31	388	12	Châu Hoàng	Thái	6/6	
32	396	13	Phạm Đỗ Minh	Thắng	6/6	
33	397	13	Ong Quỳnh	Thị	6/6	
34	437	14	Phạm Trần Bảo	Trân	6/6	
35	442	14	Lê Quang	Trí	6/6	
36	448	14	Trần Minh	Triết	6/6	
37	455	15	Lê Ngọc Minh	Uyên	6/6	
38	456	15	Lê Nguyễn Mai	Uyên	6/6	
39	458	15	Trịnh Nhã	Uyên	6/6	
40	464	15	Nguyễn Ngọc Khánh	Vân	6/6	
41	465	15	Phan Thụy Ngọc	Vân	6/6	
42	466	15	Trần Khánh	Vân	6/6	
43	470	15	Phan Quốc	Việt	6/6	



DANH SÁCH HỌC SINH K6 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1 *	005	1	Huỳnh Lê Thiên	An	6/7	
2	040	2	Trần Đức	Anh	6/7	
3	041	2	Trần Minh	Anh	6/7	
4	082	3	Bùi Ngọc Khánh	Đan	6/7	
5	094	3	Vũ Trường	Giang	6/7	
6	095	3	Lương Thái	Hà	6/7	
7	131	5	Dương Tấn	Hưng	6/7	
8	133	5	Nguyễn Quốc	Hưng	6/7	
9	145	5	Phan Đăng	Khải	6/7	
10	153	5	Lê Nguyễn	Khang	6/7	
11	159	5	Trịnh Lê	Khang	6/7	
12	163	6	La Phú	Khánh	6/7	
13	164	6	Lại Nguyễn	Khánh	6/7	
14	166	6	Nguyễn Liễu Ngân	Khánh	6/7	
15	167	6	Phan Bảo	Khánh	6/7	
16	169	6	Trương Gia	Khánh	6/7	
17	178	6	Phạm Đăng	Khoa	6/7	
18	183	6	Nguyễn Quý Hoàng	Khôi	6/7	
19	136	5	Phan Y	Kiên	6/7	
20	200	7	Nguyễn Ngọc Gia	Linh	6/7	
21	202	7	Phan Hoàng Gia	Linh	6/7	
22	210	7	Lâm Nguyễn Hoàng	Long	6/7	
23	214	7	Ngô Quốc	Long	6/7	
24	235	8	Nguyễn Đỗ Đức	Minh	6/7	
25	240	8	Nguyễn Tuấn	Minh	6/7	
26	247	8	Phạm Hoàng	My	6/7	
27	253	8	Luân Thuyết	Nga	6/7	
28	257	9	Nguyễn Hồng Phương	Ngân	6/7	
29	267	9	Trần Huỳnh Bảo	Nghi	6/7	
30	278	9	Nguyễn Đình Minh	Ngọc	6/7	
31	279	9	Nguyễn Gia	Ngọc	6/7	
32	294	10	Huỳnh Khoa	Nguyên	6/7	
33	329	11	Hồ Lê Thiên	Phúc	6/7	
34	337	11	Nguyễn Thanh	Phúc	6/7	
35	338	11	Nguyễn Trang Thiên	Phúc	6/7	
36	339	11	Nguyễn Vĩnh	Phúc	6/7	
37	350	11	Nguyễn Thục	Phương	6/7	
38	359	12	Lê Đình Trúc	Quân	6/7	
39	371	12	Trần Hải	Quân	6/7	
40	374	12	Hàng Thanh	Quỳnh	6/7	
41	383	12	Hà Hoàng Thái	Tú	6/7	
42	468	15	Lã Trần Quốc	Việt	6/7	
43	481	15	Lê Phan Trúc	Vy	6/7	
44	483	15	Phạm Phương	Vy	6/7	



DANH SÁCH HỌC SINH K6 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	016	1	Dương Tú	Anh	6/8	
2	024	1	Hồ Phạm Trâm	Anh	6/8	
3	025	1	Hồ Thị Minh	Anh	6/8	
4	048	2	Trần Gia	Ân	6/8	
5	049	2	Trần Phạm Khánh	Ân	6/8	
6	061	2	Chung Bảo	Châu	6/8	
7	072	3	Phạm Hoàng Uyên	Chi	6/8	
8	073	3	Mai Trần Ngọc	Diễm	6/8	
9	085	3	Ngô Anh	Đào	6/8	
10	087	3	Lê Minh	Đặng	6/8	
11	098	4	Đặng Hoàng	Hải	6/8	
12	105	4	Dương Phương	Hằng	6/8	
13	121	4	Vũ Đỗ Gia	Hoàng	6/8	
14	134	5	Vũ Nguyễn Quỳnh	Hương	6/8	
15	168	6	Trần Ngọc Vân	Khánh	6/8	
16	176	6	Ngô Anh	Khoa	6/8	
17	138	5	Đỗ Ngọc Thiên	Kim	6/8	
18	143	5	Lê Nguyễn Cao	Kỳ	6/8	
19	193	7	Nguyễn Bảo	Lâm	6/8	
20	201	7	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	6/8	
21	212	7	Lưu Dương Bảo	Long	6/8	
22	213	7	Ngô Hải	Long	6/8	
23	242	8	Phan Nhật	Minh	6/8	
24	249	8	Tiêu Trần	Nam	6/8	
25	251	8	Trần Thiếc	Nam	6/8	
26	266	9	Phan Hồ Phương	Nghi	6/8	
27	275	9	Lê Nguyễn Bảo	Ngọc	6/8	
28	306	10	Lê Xuân	Nhi	6/8	
29	310	10	Nguyễn Võ Đan	Nhi	6/8	
30	315	10	Hồng Ngọc	Như	6/8	
31	327	11	Trương Hạo	Phong	6/8	
32	347	11	Hoàng Mai	Phương	6/8	
33	348	11	Hồ Thảo	Phương	6/8	
34	376	12	Đỗ Ngọc Minh	Tâm	6/8	
35	400	13	Nguyễn Hoàng	Thiên	6/8	
36	401	13	Nguyễn Minh	Thiên	6/8	
37	407	13	Hồng Đức	Thịnh	6/8	
38	409	13	Phan Nguyễn Quốc	Thịnh	6/8	
39	415	13	Nguyễn Ngọc Xuân	Thủy	6/8	
40	425	14	Nguyễn Thị Mai	Thy	6/8	
41	430	14	Nguyễn Đức Minh	Trang	6/8	
42	446	14	Võ Huỳnh Quang	Trí	6/8	
43	475	15	Nguyễn Đặng Thế	Vũ	6/8	
44	482	15	Phạm Bùi Phương	Vy	6/8	
45	485	15	Lê Nguyễn Như	Ý	6/8	
46	486	15	Nguyễn Phương Thiên	Ý	6/8	



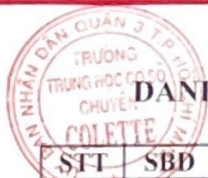
DANH SÁCH HỌC SINH K6 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	017	1	Dương Tuấn	Anh	6/9	
2	034	2	Nguyễn Phương	Anh	6/9	
3	039	2	Trần Nguyễn Văn	Anh	6/9	
4	046	2	Vũ Hồng	Anh	6/9	
5	050	2	Đàm Thiên	Bảo	6/9	
6	055	2	Trần Ngọc	Bảo	6/9	
7	059	2	Tất Trí	Bằng	6/9	
8	065	3	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	6/9	
9	099	4	Trương Hồ Thanh	Hải	6/9	
10	103	4	Vương Khánh	Hào	6/9	
11	110	4	Nguyễn Bảo	Hân	6/9	
12	124	4	Du Gia	Huy	6/9	
13	147	5	Dương Vũ Đình	Khang	6/9	
14	151	5	Huỳnh Phúc	Khang	6/9	
15	180	6	Đào Trọng	Khôi	6/9	
16	139	5	Lưu Hoàng Thiên	Kim	6/9	
17	141	5	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	6/9	
18	189	6	Đặng Thiên	Lạc	6/9	
19	195	7	Trịnh Hoàng	Lâm	6/9	
20	206	7	Hồ Hoàng Bảo	Long	6/9	
21	222	7	Phan Hải	Long	6/9	
22	233	8	Đỗ Tuyết	Minh	6/9	
23	236	8	Nguyễn Hoàn	Minh	6/9	
24	243	8	Trần Hải	Minh	6/9	
25	246	8	Nguyễn Hải	My	6/9	
26	270	9	Bùi Thế	Nghĩa	6/9	
27	276	9	Ngô Bảo	Ngọc	6/9	
28	277	9	Nguyễn Đình Bảo	Ngọc	6/9	
29	296	10	Nguyễn Lâm Bảo	Nguyên	6/9	
30	303	10	Nguyễn Huỳnh Khang	Nhật	6/9	
31	307	10	Nguyễn Ngọc	Nhi	6/9	
32	316	10	Lý Quỳnh Trúc	Như	6/9	
33	340	11	Phạm Minh Gia	Phúc	6/9	
34	351	11	Phan Hà	Phương	6/9	
35	368	12	Nguyễn Tâm Hoàng	Quân	6/9	
36	405	13	Thái Ngọc Gia	Thiện	6/9	
37	412	13	Võ Trường	Thịnh	6/9	
38	420	13	Nguyễn Trần Song	Thư	6/9	
39	426	14	Nguyễn Vũ Uyên	Thy	6/9	
40	381	12	Huỳnh Lê Đắc	Tín	6/9	
41	382	12	Nguyễn Phúc Kim	Tinh	6/9	
42	433	14	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trâm	6/9	
43	451	14	Nguyễn Trần Minh	Trúc	6/9	
44	452	14	Phạm Bảo Thanh	Trúc	6/9	
45	387	12	Lê Lương Cát	Tường	6/9	



DANH SÁCH HỌC SINH K6 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	013	1	Vũ Thảo Tường	An	6/10	
2	020	1	Đoàn Thạch Phương	Anh	6/10	
3	028	1	Lương Thanh Tú	Anh	6/10	
4	045	2	Trương Ngọc Trâm	Anh	6/10	
5	047	2	Asnawi	Arifine	6/10	
6	051	2	Đoàn Gia	Bảo	6/10	
7	070	3	Nguyễn Phạm Khánh	Chi	6/10	
8	081	3	Nguyễn Minh	Duy	6/10	
9	101	4	Nguyễn Chí	Hào	6/10	
10	117	4	Trần Lê Thái	Hòa	6/10	
11	120	4	Nguyễn Phi	Hoàng	6/10	
12	126	4	Nguyễn Minh	Huy	6/10	
13	157	5	Trần Bảo	Khang	6/10	
14	173	6	Đỗ Đăng	Khoa	6/10	
15	188	6	Bùi Duy	Khương	6/10	
16	140	5	Nguyễn Hoàng	Kim	6/10	
17	190	6	Huỳnh Khánh	Lam	6/10	
18	192	6	Võ Ngọc Hoàng	Lam	6/10	
19	207	7	Hồ Minh	Long	6/10	
20	232	8	Dương Nhật	Minh	6/10	
21	271	9	Đỗ Thiên	Ngọc	6/10	
22	272	9	Hồ Đức Ánh	Ngọc	6/10	
23	283	9	Nguyễn Phan Bảo	Ngọc	6/10	
24	292	10	Cao Phúc	Nguyễn	6/10	
25	299	10	Phạm Nguyễn Thanh	Nguyễn	6/10	
26	308	10	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhi	6/10	
27	322	10	Dương Hữu	Phát	6/10	
28	324	11	Nguyễn Gia	Phát	6/10	
29	342	11	Trần Thiên	Phúc	6/10	
30	357	12	Trần Minh	Quang	6/10	
31	391	13	Nguyễn Minh	Thành	6/10	
32	393	13	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	6/10	
33	403	13	Nguyễn Vũ	Thiên	6/10	
34	413	13	Đặng Xuân	Thủy	6/10	
35	417	13	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	6/10	
36	423	14	Bùi Đan	Thy	6/10	
37	427	14	Phạm Hoàng Yến	Thy	6/10	
38	431	14	Nguyễn Hoàng Vân	Trang	6/10	
39	441	14	Bùi Minh	Trí	6/10	
40	453	14	Nguyễn Quốc	Trung	6/10	
41	384	12	Trần Đình	Tú	6/10	
42	460	15	Hồ Hoàng	Vân	6/10	
43	472	15	Lê Quang	Vinh	6/10	
44	477	15	Mai Trần Quốc	Vương	6/10	



DANH SÁCH HỌC SINH K6 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	012	1	Vũ Nhật Viên	An	6P	
2	029	1	Ngô Hùng	Anh	6P	
3	030	1	Nguyễn Huỳnh Kỳ	Anh	6P	
4	032	1	Nguyễn Minh	Anh	6P	
5	033	2	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	6P	
6	044	2	Trương Ngọc Hải	Anh	6P	
7	062	2	Đặng Trương Bảo	Châu	6P	
8	071	3	Nguyễn Quỳnh	Chi	6P	
9	084	3	Trần Ngọc Linh	Đan	6P	
10	116	4	Bùi Trần Phúc	Hòa	6P	
11	122	4	Võ Nam	Huân	6P	
12	123	4	Lê Quang	Hùng	6P	
13	170	6	Lê Hữu Cát	Khê	6P	
14	174	6	Huỳnh Minh	Khoa	6P	
15	186	6	Lê Minh	Khuê	6P	
16	208	7	Huỳnh Đăng Bảo	Long	6P	
17	227	8	Trương Gia	Long	6P	
18	237	8	Nguyễn Hoàng	Minh	6P	
19	238	8	Nguyễn Hoàng Thùy	Minh	6P	
20	241	8	Phạm Khải	Minh	6P	
21	245	8	Hoàng Khánh	My	6P	
22	252	8	Vũ Hoàng	Nam	6P	
23	258	9	Nguyễn Khánh	Ngân	6P	
24	261	9	Phạm Khánh	Ngân	6P	
25	274	9	Lê Bảo	Ngọc	6P	
26	285	9	Phạm Gia	Ngọc	6P	
27	297	10	Nguyễn Trần Hạo	Nguyên	6P	
28	302	10	Lê Huỳnh Minh	Nhật	6P	
29	312	10	Nguyễn An	Nhiên	6P	
30	317	10	Nguyễn Đăng Quỳnh	Như	6P	
31	326	11	Hoàng Tuấn Minh	Phong	6P	
32	349	11	Nguyễn Thị Minh	Phương	6P	
33	369	12	Phạm Hoàng	Quân	6P	
34	370	12	Phạm Minh	Quân	6P	
35	392	13	Dương Đoan	Thảo	6P	
36	394	13	Nguyễn Phan Nhật	Thăng	6P	
37	398	13	Trần Ngọc Minh	Thi	6P	
38	404	13	Trần Bảo	Thiên	6P	
39	421	13	Phạm Song	Thư	6P	
40	432	14	Võ Ngọc Phương	Trang	6P	
41	386	12	Trần Chính	Tuệ	6P	
42	463	15	Nguyễn Hoàng Hải	Vân	6P	
43	479	15	Đỗ Nhật Khánh	Vy	6P	